TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 104/2019/QĐST-HNGĐ	*Cam Ranh, ngày 05 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

Căn cứ vào Điều 396 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 81, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Lê Thị Mỹ H1**

Nơi cư trú: TDP TP, P. CT, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông **Nguyễn Trung H2**

Nơi cư trú: TDP TP, P. CT, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Trung H2 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn BN, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140, ngày 25 tháng 8 năm 1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên kình cãi. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không cùng nhau tìm ra giải pháp hàn gắn. Nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà Hạnh và ông Hải yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H1 và ông H2 đã thật sự tự nguyện ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận cho bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Trung H2 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thành Đ (sinh ngày 14/5/1999) và Nguyễn Việt Mỹ T (sinh ngày 12/01/2003). Bà Hạnh và ông Hải thỏa thuận: Bà H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Việt Mỹ T (sinh ngày 12/01/2003); đối với con chung là Nguyễn Thành Đ (sinh ngày 14/5/1999) đã thành niên, không bị hạn chế về thể chất, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H2 cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Việt Mỹ T (sinh ngày 12/01/2003) mỗi tháng 2.000.000 đồng *(bằng chữ: Hai triệu đồng)* thực hiện từ tháng 8 năm 2019 đến khi Nguyễn Việt Mỹ T tròn 18 tuổi.

Xét thấy, thỏa thuận của bà H1 và ông H2 phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H1 và ông H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Trung H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thành Đ (sinh ngày 14/5/1999) và Nguyễn Việt Mỹ T (sinh ngày 12/01/2003). Bà H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Việt Mỹ T (sinh ngày 12/01/2003).

Đối với con chung là Nguyễn Thành Đ (sinh ngày 14/5/1999) đã thành niên, không bị hạn chế về thể chất, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Trung H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H2 cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Việt Mỹ T (sinh ngày 12/01/2003) mỗi tháng 2.000.000 đồng *(bằng chữ: Hai triệu đồng)* thực hiện từ tháng 8 năm 2019 đến khi Nguyễn Việt Mỹ T tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Trung H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Trung H2 phải nộp mỗi người 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000545 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Trung H2 đã nộp đủ lệ phí

3. Quy định chung:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân

sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố C;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- CCTHADS thành phố C;
- UBND phường CL;
- Lưu hồ sơ, AV.

Nguyễn Thị Thu Hiếu